

Số: 39 /2015/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 04 tháng 11 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thư viện
trong phạm vi các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thư viện trong phạm vi các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1152/TTr-SVHTTDL ngày 13 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thư viện trong phạm vi các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp phí

Các cá nhân có nhu cầu làm thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu tại các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đơn vị thu phí

Các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

3. Các đối tượng được giảm 50% mức thu phí thư viện

a) Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Người có công với cách mạng

- Cán bộ lão thành cách mạng; cán bộ "tiền khởi nghĩa".

- Thân nhân liệt sĩ.

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh.

- Các đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương, bệnh binh và người có công.

c) Người thuộc diện chính sách xã hội

- Người tàn tật, người già cô đơn.

- Các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội.

d) Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện.

4. Các đối tượng được miễn thu phí thư viện

Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

5. Mức thu

a) Đối với thư viện công cộng do cấp tỉnh quản lý

- Phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu:

Đối với bạn đọc là sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức, những cá nhân khác từ đủ 18 tuổi trở lên: mức thu 40.000 đồng/thẻ/năm.

Đối với bạn đọc trẻ em, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông, những cá nhân khác chưa đủ 18 tuổi: mức thu 20.000 đồng/thẻ/năm.

- Phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu trường hợp sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm:

Đối với bạn đọc là sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức, những cá nhân khác từ đủ 18 tuổi trở lên: mức thu 200.000 đồng/thẻ/năm.

Đối với bạn đọc là trẻ em, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông, những cá nhân khác chưa đủ 18 tuổi: mức thu 100.000 đồng/thẻ/năm.

b) Đối với thư viện công cộng do cấp huyện quản lý

- Phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu đối với bạn đọc là sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức, những cá nhân khác từ đủ 18 tuổi trở lên: mức thu 20.000 đồng/thẻ/năm.

- Phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu đối với bạn đọc là trẻ em, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông, những cá nhân khác chưa đủ 18 tuổi: mức thu 10.000 đồng /thẻ/năm.

c) Đối với thư viện công cộng do cấp xã quản lý

Nhằm thực hiện khuyến khích độc giả tham gia để phát triển văn hóa đọc, áp dụng mức thu phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu đối với các thư viện công cộng do cấp xã quản lý là 0 đồng (không đồng)/thẻ/năm

6. Quản lý, sử dụng phí thư viện

a) Đối với các thư viện chưa thực hiện chế độ tự chủ tài chính nộp 100% số thu phí thư viện vào ngân sách nhà nước.

b) Đối với các thư viện đã thực hiện chế độ tự chủ tài chính thì được để lại 100% số thu cho các đơn vị để sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Sử dụng biên lai thu phí do cơ quan thuế phát hành hoặc tự in, đặt in theo quy định tại Thông tư 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

d) Đơn vị thu phí phải thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán tiền thu phí theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: HN

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ VH, TT & DL, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, (Ngọc). 65

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Đức